

Bản án số: 266/2020/DS-PT

Ngày: 14/7/2020

V/v: *Tranh chấp quyền sử dụng đất*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thiện.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Thái;
Ông Trương Chí Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: Bà Trần Thị Ngoan
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2020/TLPT-DS ngày 14/02/2020 về : “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2019/DS-ST ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện T.T, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2020/QĐ-PT ngày 17/02/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Dòng họ N.V.

Những người làm đại diện cho dòng họ:

- 1.1. Ông N.V T, sinh năm 1940; Có mặt.
- 1.2. Ông N.V K, sinh năm 1943; Có mặt.
- 1.3. Ông N.V T, sinh năm 1950; Có mặt.
- 1.4. Ông N.V L, sinh năm 1952; Có mặt.
- 1.5. Ông N.V T, sinh năm 1954; Có mặt.
- 1.6. Ông N.V T, sinh năm 1961. Có mặt.

Địa chỉ: Đội 1, đường T.T.O, xã T.T.O, huyện T.T, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh N.V. H - VPLS Đ N, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông N.M.C, sinh năm 1949. Địa chỉ: Đội 1, đường T.T.O, xã T.T.O, huyện T.T, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư N K B và Luật

sư N T M - VPLS M Đ, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà N.T.N, sinh năm 1954; Có mặt.

3.2. Anh N.V Q, sinh năm 1980; Ủy quyền cho ông C.

3.3. Chị N.T.Y, sinh năm 1980. Ủy quyền cho ông C.

Cùng địa chỉ: Đội 1, đường T.T.O, xã T.T.O, huyện T.T, thành phố Hà Nội.

4. Người kháng cáo: Ông N.M.C - bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn là Dòng họ N.V do các ông đại diện là N.V T, N.V Kỳ, N.V T, N.V L, N.V T, N.V T cùng trình bày: Dòng họ N.V lập ấp từ rất lâu đời tại T.T.O. Khi lập ấp, các cụ đã xây một khuôn viên độc lập để thờ cúng có phía Bắc giáp đường ngõ 6 + phía Đông giáp gia đình anh N.V P + phía Nam giáp đất gia đình con cụ N.V T + phía Tây giáp với đường làng T.T.O. Khuôn viên đất này do cụ N.V Q đời thứ 15 (Lưỡng Quốc Tiễn sỹ Phan Thanh Hầu Đông năm 1779) cùng các đại hiệp sỹ trấn Lạng Sơn cung tiến để Dòng họ N.V có nơi thờ tự tổ tiên. Trong khuôn viên dựng hai tấm bia “ *Ngô gia thế đức bi ký*” khắc ghi 19 đời truyền tổ dựng năm 1842 và bia “ *Thiên địa thần nhân cộng giám*”.

Năm 1967, họ N.V đã ủy nhiệm cho cụ N.V Đ là con cháu đời thứ 22 của Dòng họ trông nom, giữ gìn, hương khói. Sau khi cụ Đ qua đời dòng họ N.V để cho con cả của cụ là ông N.V T trông nom nhà thờ cũng như toàn bộ khuôn viên nhà thờ. Ông T có cháu gọi bằng bác là ông N.M.C, con người em ruột ông T di cư vào Miền Nam và hai vợ chồng đã mất trong Nam. Tuổi cao ông T đã chuyển ra ngoài sinh sống cùng con trai, khi ông T chuyển đi còn lại ông C ở lại trông nom nhà thờ. Xét điều kiện hoàn cảnh của ông C, Dòng họ N.V tiếp tục đồng ý cho ông C được ở nhờ trên đất nhà thờ và có nghĩa vụ trông nom nhà thờ.

Năm 1984, ông N.M.C có đơn gửi tới Dòng họ N.V đề nghị xin được làm ngôi nhà trên diện tích 30m² đất trong khuôn viên nhà thờ của Dòng Họ. Khi nhận được đơn của ông C, Dòng Họ N.V không đồng ý cho ông C làm nhà. Tháng giêng năm 1992, ông C tiếp tục có đơn xin Dòng Họ cho làm ngôi nhà trên diện tích 30m², ông C mong muốn được chuyển khẩu về xã T.T.O; để nhập được khẩu thì ông C phải có nhà ở T.T.O. Dòng Họ đã họp bàn và thống nhất cho anh C mượn 30m² đất để làm nhà và để gia đình anh C có đủ điều kiện nhận khẩu. Nhưng sau khi làm xong nhà, ông C lại lấn chiếm mở rộng thêm diện tích đất, việc này Dòng họ đã nhắc nhở và nhờ chính quyền địa phương can thiệp nhưng không có kết quả.

Năm 1994, phần đất nhà thờ của Dòng Họ N.V được UBND huyện T.T cấp GCNQSD đất số D 0196765 ngày 25/8/1994 tại thửa số 340, tờ bản đồ số 02, diện tích 528m² đứng tên Nhà thờ họ N.V.

Nay Dòng Họ N.V muốn sửa sang, tu bổ nhà thờ của Dòng Họ nên đề nghị ông C trả lại phần đất ông C đang sử dụng trong khuôn viên đất của Dòng Họ. Tuy nhiên, Dòng Họ N.V vẫn thống nhất để ông C tiếp tục quản lý, sử dụng nhà 2 tầng trên diện tích đất khoảng 51m² của Dòng Họ. Dòng Họ chỉ yêu cầu gia đình ông C bàn giao phần công trình phụ phía sau khoảng 18m² để Dòng Họ xây nhà Đại Bái.

2. Bị đơn ông N.M.C trình bày: Bố mẹ ông mất sớm nên ông ở với ông nội là cụ N.V Định cùng trông nom nhà thờ Dòng Họ N.V từ năm 1967. Sau khi cụ Đchết, ông vẫn tiếp tục trông nom nhà thờ. Năm 1992, ông có đơn xin Hội đồng gia tộc 30m² đất làm nhà ở và được hội đồng gia tộc nhất trí cắm mốc giới cho ông xây nhà.

Quá trình sinh sống, ông có canh tác mở rộng ra phần đất ngõ đi. Ngoài ra ông còn xây 1 số công trình phụ để phục vụ sinh hoạt hàng ngày.

Cũng theo yêu cầu của Dòng Họ v/v để nhà thờ Họ khang trang, ông đã tu sửa tôn tạo nhà thờ Họ để được như ngày nay.

Nay Dòng Họ yêu cầu ông trả lại phần diện tích đất nơi có công trình phụ phía sau nhà khoảng 18m², ông không nhất trí. Gia đình ông đã sinh sống ổn định lâu dài trên diện tích đất này, và phần đất làm công trình phụ là do gia đình ông canh tác mở rộng ra phần ngõ đi không phải đất của Dòng Họ.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà N.T.N, anh N.V Quyền, chị N.T.Y cùng khai: nhất trí như lời khai của ông C. Không nhất trí trả cho Dòng Họ phần đất nơi có công trình phụ.

Bản án sơ thẩm số: 26/2019/DS-ST ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện T.T, Thành phố Hà Nội đã quyết định:

Xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của Dòng Họ N.V. Xác nhận toàn bộ diện tích đất 69,4m² đất, trên đất gồm có căn nhà bê tông hai tầng, diện tích 51,1m² và nhà gạch cấp 4 diện tích 18,3m² mà ông N.M.C đang quản lý tương ứng với các điểm ACDF trên sơ đồ hiện trạng thuộc đất của Dòng Họ N.V.

Buộc ông N.M.C, bà N.T.N, anh N.V Quyền, chị N.T.Y trả phần đất có diện tích 18,3m² tương ứng với các điểm BCDE trên sơ đồ hiện trạng cùng công trình trên đất cho Dòng Họ N.V quản lý.

Ghi nhận sự tự nguyện của Dòng Họ N.V tiếp tục cho ông N.M.C quản lý 51,1m² đất tương ứng với các điểm ABEF trên sơ đồ hiện trạng, trên đất có nhà bê tông hai tầng.

Dòng họ N.V có nghĩa vụ thanh toán cho ông Ngô Cường số tiền 43.552.000đ; trong đó 6.952.000đ giá trị công trình trên đất, 36.600.000đ tiền công sức tôn tạo, quản lý sử dụng đất.

Việc ông N.M.C bàn giao 18,3m² đất nêu trên diễn ra cùng thời điểm với việc Dòng Họ N.V thanh toán số tiền 43.552.000đ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.
Sau khi bản án sơ thẩm tuyên:

Bị đơn là ông N.M.C đã kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Lý do kháng cáo: Diện tích đất gia đình ông đang quản lý 72m² có nguồn gốc trước kia là rãnh hoang hóa ở giữa ngõ xóm và hàng rào câu găng cút tần với diện tích đất của Dòng Họ N.V. Gia đình ông có xin phép chính quyền địa phương để bồi đắp tôn tạo từ những năm 1967 có được, sau đó ông làm nhà và được chính quyền cho phép và thừa nhận. Vì vậy diện tích đất gia đình ông quản lý sử dụng không thuộc đất của Dòng Họ N.V. Thực tế đất của Dòng Họ được Nhà nước thừa nhận là 528m², diện tích đất nay còn nguyên vẹn và còn rộng hơn (nay là 536m²). Để có được như vậy, ông nội ông và ông đã trông coi quản lý bồi đắp tôn tạo mà có. Năm 2012, Dòng Họ có thỏa thuận với gia đình ông và tự Dòng Họ xây tường ngăn ranh giới đất. Đòi gia đình ông bàn giao lại chia khóa nhà thờ cho Dòng Họ quản lý.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;
- Bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.
- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: giữ nguyên lời khai.
- Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu luận cứ và đề nghị HĐXXPT: hủy án sơ thẩm để làm rõ lý do diện tích đất của Dòng Họ thừa ra so với GCNQSD đất.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Đại diện VKS đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS: Giữ nguyên bản án sơ thẩm của TAND huyện T.T, Hà Nội.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; yêu cầu của các bên đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông N.M.C nộp trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí theo quy định pháp luật nên xác định là hợp pháp và chấp nhận xem xét.

[2]. Xét đơn kháng cáo của của ông N.M.C như sau:

[2.1]. Về quan hệ huyết thống: ông N.M.C là người trong dòng Họ N.V. Và ông C là người kế thừa quyền trông nom nhà thờ của Dòng Họ N.V từ ông nội là cụ N.V Định.

[2.2]. Thừa đất gia đình ông C đang quản lý sử dụng đang có tranh chấp trong vụ án:

- Theo lời khai Nguyên đơn thì diện tích đất ông C sử dụng nằm trong diện tích đất nhà thờ Dòng Họ N.V.

- Theo lời khai của ông C và gia đình ông thì diện tích đất gia đình ông C đang quản lý sử dụng có nguồn gốc là rãnh hoang hóa ở giữa ngõ xóm và hàng rào cây găng cúc tần với diện tích đất của Dòng Họ N.V (liền kề ranh giới đất của Dòng Họ N.V).

[2.3]. Do có tranh chấp về nguồn gốc diện tích đất hiện nay gia đình ông C đang quản lý sử dụng, HĐXX xem xét các tài liệu liên quan thì thấy:

- + Tại Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất (BL 67) UBND huyện T.T đã chứng nhận ngày 1/6/1990 về đất nhà thờ N.V (N.V Cường ở) có diện tích 528m² thuộc thửa 340, tờ bản đồ số 02 tại thôn T.T.O, T.T.

- + Tại GCNQSD đất số D 0196765 UBND huyện T.T cấp 25/8/1994 (BL 24-25) thì Nhà Thờ họ N.V được chứng nhận có 528m² đất thuộc thửa số 340, tờ bản đồ số 02.

Thể hiện trên trích lục bản đồ: Theo hệ bản đồ Năm 1986- thửa đất của Dòng Họ là thửa số 340 có diện tích 528m² (BL 88) và cũng là thửa đất mà Nhà Thờ N.V được cấp GCNQSD đất năm 1994. Theo hệ bản đồ Năm 1994 - thửa đất gia đình ông C đang quản lý là thửa số 44 diện tích 88m²; và thửa đất Dòng Họ quản lý là thửa số 45 diện tích 511m² (BL 87).

Kết quả xác minh tại UBND xã T.T.O: (BL 106) có nội dung: “...theo bản đồ năm 1994 là thửa đất số 45 diện tích 511m² và thửa số 44 diện tích 88m² thuộc tờ bản đồ số 23. Do thửa đất số 340, tờ bản đồ số 02, diện tích 528m²- hệ bản đồ đo đạc năm 1986 chưa thực hiện việc cấp đổi GCN nên UBND xã không có tài liệu liên quan đến quá trình biến động của thửa đất số 45, diện tích 511m² và thửa số 44, diện tích 88m² thuộc tờ bản đồ số 23 (bản đồ năm 1994)” (BL 123).

- + Năm 1992 ông N.M.C có “ Đơn xin đất làm nhà” (BL 62) gửi ông bà Trưởng và toàn thể quan họ N.V. Đơn có nội dung: ông C xin Họ cho làm một căn nhà 30m²...có chữ ký của các ông: N.V Chi, N.V T, N.V T, N.V T, N.V Đ; có xác nhận của chính quyền thôn xã. Cho thấy, ông C làm nhà trên diện tích đất của Nhà Thờ N.V sau khi được Hội đồng gia tộc nhất trí.

- + Kết quả đo vẽ hiện trạng (BL 92-93): Tổng diện tích thực đo là 608,4m²: Trong đó: gia đình ông C đang sử dụng 73m² đất tại vị trí có các công trình là nhà

bê tông 2 tầng 51,1m² + nhà tạm phía sau nhà 2 tầng là 18,3m²; và Dòng Họ đang sử dụng 535,5m² đất.

So sánh diện tích đất đo đạc hiện trạng là 608,5m² với diện tích đất Dòng Họ được cấp GCNQSD đất 528m² thì thấy thừa là $(608,5m^2 - 528m^2) = 80,5m^2$.

Kết quả căn ke giữa thửa đất số 340 có diện tích 528m² theo hệ bản đồ 1986 (đã được cấp GCNQSD đất) và thửa đất hiện trạng nay gia đình ông C quản lý và Dòng Họ quản lý cho kết quả: Phần diện tích đất chênh lệch thừa nằm về phía Đông và phía Nam thửa đất; còn diện tích đất gia đình ông C đang quản lý thuộc thửa số 340 và nằm trong diện tích 528m² của Nhà thờ N.V. Ông C khai diện tích đất gia đình ông đang quản lý có phần ông lấn ra đường ngõ là không đúng. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông C không có tài liệu nào khác để chứng minh diện tích đất ông quản lý sử dụng do ông lấn ra đường mà có.

[2.4]. Ông C đề nghị HĐXX căn cứ “ Đơn xin đất làm nhà” do ông viết gửi ông bà trưởng và toàn thể quan họ N.V năm 1992 và đã được Hội đồng gia tộc nhất trí để chứng minh Dòng Họ đã cho ông đất. Nhưng yêu cầu này của ông C không được đại diện Dòng Họ chấp nhận. HĐXX có xem xét nội dung đơn xin đất làm nhà do ông C viết năm 1992 thì thấy: đơn chỉ thể hiện nội dung “...*Nay để tiện việc sinh hoạt gia đình, tôi xin quan họ để làm một căn nhà 30m²...*”, mà không có nội dung quan họ cho ông đất ở. Đặt giả thiết hội đồng gia tộc Dòng Họ N.V cho ông C đất ở, thì thủ tục chuyển quyền sử dụng đất ở phải tuân thủ các quy định của Pháp luật và phải được cơ quan cấp có thẩm quyền chấp nhận. Tuy nhiên, đại diện Dòng Họ vẫn giữ thiện chí để ông C tiếp tục sử dụng ngôi nhà đã xây trên diện tích đất của Nhà Thờ N.V; đây là sự tự nguyện của Dòng Họ nên bản án sơ thẩm đã ghi nhận sự tự nguyện này của Dòng Họ. Phần diện tích đất nơi gia đình ông C làm công trình phụ thuộc diện tích đất của Nhà Thờ N.V, đại diện Dòng Họ yêu cầu gia đình ông C phải trả lại cho khuôn viên nhà thờ là có căn cứ.

[3]. Ông C và gia đình ông cho rằng gia đình ông có công lao quản lý tôn tạo mấy chục năm đối với phần diện tích đất mà Dòng Họ yêu cầu trả thì Dòng Họ phải thanh toán cho gia đình ông. Xét thấy: Diện tích đất nơi gia đình ông C làm công trình phụ là do gia đình ông tự ý sử dụng, không có tài liệu nào của Dòng Họ đồng ý. Nay Dòng Họ yêu cầu ông và gia đình ông trả lại phần diện tích đất này, lẽ ra gia đình ông phải tự chuyển các công trình đã xây trên diện tích đất này đi nơi khác để trả lại quyền sử dụng đất cho khuôn viên nhà thờ. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm đã xử buộc Dòng Họ N.V có nghĩa vụ thanh toán cho ông C số tiền 43.552.000đ trong đó 6.952.000đ là giá trị công trình trên đất và 36.600.000đ tiền công sức tôn tạo, quản lý sử dụng đất đã là đảm bảo quyền lợi cho ông C và gia đình ông; đại diện Dòng Họ không kháng cáo về phần quyết định này, nên HĐXX phúc thẩm giữ nguyên.

[4]. Từ những phân tích trên, HĐXX cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện T.T. Ông C là người cao tuổi nên được miễn án phí DSPT.

Lệ phí xem xét thẩm định là 6.500.000đ, mỗi bên chịu 1/2 và các bên đã được thanh toán xong về tiền tạm ứng lệ phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS: Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện T.T, Hà Nội.

Áp dụng Điều 211 BLDS 2015.

Áp dụng Điều 160 Luật Đất đai năm 2013.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của Dòng Họ N.V. Xác nhận toàn bộ diện tích đất 69,4m² đất, trên đất gồm có căn nhà bê tông hai tầng, diện tích 51,1m² và nhà gạch cấp 4 diện tích 18,3m² mà ông N.M.C đang quản lý tương ứng với các điểm ACDF trên sơ đồ hiện trạng thuộc đất của Dòng Họ N.V.

Buộc ông N.M.C, bà N.T.N, anh N.V Q, chị N.T.Y trả phần đất có diện tích 18,3m² tương ứng với các điểm BCDE trên sơ đồ hiện trạng cùng công trình trên đất cho Dòng Họ N.V quản lý.

Ghi nhận sự tự nguyện của Dòng Họ N.V tiếp tục cho ông N.M.C quản lý 51,1m² đất tương ứng với các điểm ABEF trên sơ đồ hiện trạng, trên đất có nhà bê tông hai tầng.

Dòng họ N.V có nghĩa vụ thanh toán cho ông Ngô Cường số tiền 43.552.000đ; trong đó 6.952.000đ giá trị công trình trên đất, 36.600.000đ tiền công sức tôn tạo, quản lý sử dụng đất.

Việc ông N.M.C bàn giao 18,3m² đất nêu trên diễn ra cùng thời điểm với việc Dòng Họ N.V thanh toán số tiền 43.552.000đ.

2. Án phí: Dòng họ N.V và ông N.M.C không phải chịu án phí. Trả lại cho dòng họ N.V số tiền 2.820.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0008546 ngày 05/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.T, Hà Nội.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Thành phố Hà Nội
- Tòa án nhân dân huyện T.T.
- Chi cục THADS huyện T.T.
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thu Thiện